

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

---

**Hà Nội - Tháng 02 năm 2011**

MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

# CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Tín hiệu đường sắt trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### Công ty

Công ty Cổ phần Viễn thông Tín hiệu đường sắt được chuyển đổi (cổ phần hóa) theo Quyết định số 2596/QĐ-BGTVT ngày 28/7/2005 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình thông tin, tín hiệu điện tử doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103009663 ngày 11/01/2006, thay đổi lần thứ ba ngày 29/02/2008.

Công ty có 03 Xí nghiệp hạch toán báo sổ và 03 Xí nghiệp hạch toán phụ thuộc, cụ thể:

- Xí nghiệp Thiết bị Thông tin - Tín hiệu - Điện;
- Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ tổng hợp;
- Xí nghiệp Xây dựng Công trình giao thông Công nghiệp và Dân dụng;
- Xí nghiệp Xây dựng Công trình điện;
- Xí nghiệp Xây dựng Công trình Tín hiệu giao thông;
- Xí nghiệp Xây dựng Công trình Viễn thông.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Ngõ 115 Định Công, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

### Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Hà Ngọc Hùng	Chủ tịch
	Ông Đoàn Văn Lâm	Ủy viên
	Ông Chử Văn Luân	Ủy viên
	Ông Phạm Văn Đức	Ủy viên
	Ông Trần Công Hùng	Ủy viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Đoàn Văn Lâm	Giám đốc
	Ông Nguyễn Quốc Thắng	Phó Giám đốc
	Ông Hà Ngọc Hùng	Phó Giám đốc
	Ông Trần Văn Quang	Phó Giám đốc

### Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

  
*Đoàn Văn Lâm*  
GIÁM ĐỐC  
*Đoàn Văn Lâm*

Đoàn Văn Lâm  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2010

110  
CỔ  
ĐP  
TÍN  
HIỆU  
ĐƯỜNG  
SẮT

Số.133 /2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Viễn thông Tín hiệu đường sắt

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Các cổ đông Công ty Cổ phần Viễn thông Tín hiệu đường sắt**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Viễn thông Tín hiệu đường sắt (gọi tắt là "Công ty"). Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kê toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Hạn chế phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ tài liệu để thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm đánh giá số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm, theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư của các khoản mục này được trình bày trên khoản mục hàng tồn kho tại ngày 31/12/2010 và ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

508  
G  
A  
T  
N  
-TP

Lưu ý

Do đặc thù của hoạt động xây lắp, Công ty thực hiện kê khai một số hóa đơn chứng từ đầu vào chưa kịp thời với thời điểm hạch toán trên sổ kế toán. Bên cạnh đó, các quy định về thuế được thay đổi từng thời kỳ nên việc xác định thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp sau cùng sẽ tùy thuộc vào kết quả làm việc của Cơ quan Thuế.



---

**Nguyễn Quốc Dương**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV  
Thay mặt và đại diện

---

**Ngô Kiều Anh**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1314/KTV

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
**Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.**  
*Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2011*

10  
VH  
AM  
M  
HA



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>25.127.864.639</b>	<b>27.887.148.861</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.044.804.742</b>	<b>5.141.255.420</b>
1. Tiền	111	5.1	2.044.804.742	1.141.255.420
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.000.000.000
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.430.260.245</b>	<b>11.236.340.814</b>
1. Phải thu khách hàng	131		8.349.873.293	8.347.709.114
2. Trả trước cho người bán	132		530.039.695	799.260.823
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	2.593.080.055
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	100.724.786	16.668.351
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(550.377.529)	(520.377.529)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>10.300.894.580</b>	<b>8.432.445.915</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.3	10.404.919.579	8.432.445.915
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(104.024.999)	-
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.351.905.072</b>	<b>3.077.106.712</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	24.682.470
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	4.351.905.072	3.052.424.242
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>10.274.840.574</b>	<b>2.481.904.255</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.112.291.502</b>	<b>1.663.031.994</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		1.935.728.285	1.663.031.994
- Nguyên giá	222	5.5	6.558.394.073	7.217.247.409
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.622.665.788)	(5.554.215.415)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	7.176.563.217	-
- Nguyên giá	228		7.176.563.217	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>338.182.766</b>	<b>-</b>
1. Nguyên giá	241	5.7	1.747.886.072	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.409.703.306)	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>824.366.306</b>	<b>818.872.261</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	717.359.316	413.736.974
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		107.006.990	405.135.287
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>35.402.705.213</b>	<b>30.369.053.116</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>	<b>19.565.560.913</b>	<b>16.459.246.994</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>19.565.560.913</b>	<b>16.344.734.171</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	-	-
2. Phải trả người bán	312	1.728.953.362	969.299.029
3. Người mua trả tiền trước	313	1.596.655.490	3.441.835.959
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 5.9	530.222.403	562.304.450
5. Phải trả người lao động	315	132.369.575	200.277.354
6. Chi phí phải trả	316 5.10	6.869.513.038	7.031.189.000
7. Phải trả nội bộ	317	-	2.294.276.740
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 5.11	8.717.245.380	1.800.649.974
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	(9.398.335)	44.901.665
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>-</b>	<b>114.512.823</b>
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	114.512.823
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>	<b>15.837.144.300</b>	<b>13.909.806.122</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15.837.144.300</b>	<b>13.909.806.122</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411 5.12	11.985.000.000	11.985.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413 5.12	185.494.333	185.494.333
4. Cổ phiếu quỹ	414 5.12	-	(7.000.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417 5.12	1.440.443.201	1.432.235.099
8. Quỹ dự phòng tài chính	418 5.12	233.958.588	233.958.588
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420 5.12	1.992.248.178	80.118.102
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>	<b>35.402.705.213</b>	<b>30.369.053.116</b>

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Trung

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2011  
 Giám đốc



Đoàn Văn Lâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	21.668.313.266	20.522.628.818
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		21.668.313.266	20.522.628.818
4. Giá vốn hàng bán	11	5.14	16.147.926.032	16.666.324.251
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		<b>5.520.387.234</b>	<b>3.856.304.567</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	349.053.029	191.686.235
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		167.857.466	99.454.343
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.386.049.044	2.380.316.614
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		<b>2.315.533.753</b>	<b>1.568.219.845</b>
11. Thu nhập khác	31		-	554.895.156
12. Chi phí khác	32		20.000.000	121.225.001
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(20.000.000)	433.670.155
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		<b>2.295.533.753</b>	<b>2.001.890.000</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.16	303.285.575	250.236.250
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		<b>1.992.248.178</b>	<b>1.751.653.750</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.17	1.663	1.462

*KT* Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Trung

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2011

Giám đốc



Đoàn Văn Lâm

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	TM	Năm 2010	Năm 2009
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh</b>			
01 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		20.838.735.994	20.364.076.827
02 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(17.498.560.282)	(13.417.963.720)
03 Tiền chi trả cho người lao động		(3.652.619.998)	(2.413.619.300)
05 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(250.236.250)	(241.469.388)
06 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.770.666.215	2.504.395.728
07 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.513.808.775)	(1.807.223.832)
<b>20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</b>		<b>4.694.176.904</b>	<b>4.988.196.315</b>
<b>Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư</b>			
21 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(7.367.454.811)	(500.303.671)
22 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			34.272.728
27 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		349.053.029	146.927.381
<b>30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(7.018.401.782)</b>	<b>(319.103.562)</b>
<b>Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính</b>			
31 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		7.000.000	-
36 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(779.225.800)	(1.260.524.951)
<b>40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(772.225.800)</b>	<b>(1.260.524.951)</b>
<b>50 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(3.096.450.678)</b>	<b>3.408.567.802</b>
<b>60 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>5.141.255.420</b>	<b>1.732.687.618</b>
<b>70 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	5.1	<b>2.044.804.742</b>	<b>5.141.255.420</b>

KT Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Trung

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2011

Giám đốc



Đoàn Văn Lâm

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viễn thông Tín hiệu đường sắt được chuyển đổi (cổ phần hóa) theo Quyết định số 2596/QĐ-BGTVT ngày 28/7/2005 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công trình thông tin, tín hiệu điện tử doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103009663 ngày 11/01/2006, thay đổi lần thứ ba ngày 29/02/2008.

Công ty có 03 Xí nghiệp hạch toán báo sổ và 03 Xí nghiệp hạch toán phụ thuộc, cụ thể:

- Xí nghiệp Thiết bị Thông tin - Tín hiệu - Điện;
- Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ tổng hợp;
- Xí nghiệp Xây dựng Công trình giao thông Công nghiệp và Dân dụng;
- Xí nghiệp Xây dựng Công trình điện;
- Xí nghiệp Xây dựng Công trình Tín hiệu giao thông;
- Xí nghiệp Xây dựng Công trình Viễn thông.

Theo đăng ký kinh doanh Vốn điều lệ tại Công ty là 11.985.000.000 đồng (Mười một tỷ, chín trăm tám mươi lăm triệu đồng chẵn). Chi tiết:

	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị cổ phần (VND)</b>	<b>Ti lệ góp vốn</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	457.000	4.570.000.000	38,13%
Cổ đông khác	741.500	7.415.000.000	61,87%
<b>Tổng</b>	<b>1.198.500</b>	<b>11.985.000.000</b>	<b>100%</b>

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây dựng lắp đặt thiết bị các công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông;
- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng;
- Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35 KV, công trình điện hạ thế, điện dân dụng, điện chiếu sáng;
- Sản xuất, sửa chữa máy móc, thiết bị phụ tùng, vật tư điện, điện tử, truyền thông;
- Sản xuất, sửa chữa máy móc thiết bị phụ tùng vật tư thông tin, tín hiệu;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư thiết bị thông tin, tín hiệu, viễn thông, tin học, điện;
- Kinh doanh các dịch vụ viễn thông;
- Xuất nhập khẩu vật tư, hàng hóa Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu và đi thuê;
- Cho thuê máy móc thiết bị;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng; Hoạt động thể thao và giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Đại lý vận tải;
- Nghiên cứu triển khai khoa học công nghệ;
- Thiết kế hệ thống tín hiệu đường sắt;
- Thiết kế hệ thống điều khiển tín hiệu đường sắt;
- Thiết kế công trình thông tin đường sắt;
- Thiết kế thông tin đường sắt;
- Giám sát thông tin tín hiệu đường sắt.

Hoạt động chính của Công ty trong năm của Công ty là thi công xây lắp các công trình, cho thuê mặt bằng, nhà xưởng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác tại Việt Nam.

**Kỷ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2010.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do ội thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá khả năng thu hồi công nợ của Công ty và theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 08
Thiết bị văn phòng	06 - 10

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 36 tháng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu hoạt động thương mại được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận trên cơ sở nghiêm thu chấp nhận thanh toán đã có xác nhận của chủ đầu tư. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Vì vậy, lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

10/10/2011



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TIN HIỆU ĐƯỜNG SẮT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	201.662.873	291.275.200
Tiền gửi ngân hàng	1.843.141.869	849.980.220
Các khoản tương đương tiền (*)	-	4.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.044.804.742</b>	<b>5.141.255.420</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng.

**5.2 Phải thu khác**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu người lao động	19.287.309	-
Phải thu khác	81.437.477	16.668.351
<b>Tổng</b>	<b>100.724.786</b>	<b>16.668.351</b>

**5.3 Hàng tồn kho**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.891.763.527	3.060.215.089
Công cụ, dụng cụ	4.521.564	5.835.653
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.585.140.734	5.002.114.721
Thành phẩm	923.493.754	364.280.452
Hàng hoá	-	-
<b>Tổng</b>	<b>10.404.919.579</b>	<b>8.432.445.915</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	104.024.999	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>10.300.894.580</b>	<b>8.432.445.915</b>

**5.4 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	4.218.402.413	2.832.914.393
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	133.502.659	219.509.849
<b>Tổng</b>	<b>4.351.905.072</b>	<b>3.052.424.242</b>

**Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2010	5.680.530.932	478.502.273	897.090.501	161.123.703	7.217.247.409
Tăng trong năm	1.075.869.100	-	-	13.163.636	1.089.032.736
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.075.869.100	-	-	-	1.075.869.100
Giảm trong năm	1.747.886.072	-	-	-	1.747.886.072
Phân loại sang BĐS đầu tư	1.747.886.072	-	-	-	1.747.886.072
Số dư tại 31/12/2010	5.008.513.960	478.502.273	897.090.501	174.287.339	6.558.394.073
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2010	4.226.784.931	471.858.273	749.750.431	105.821.780	5.554.215.415
Tăng trong năm	193.741.153	5.625.996	69.963.996	20.441.873	289.773.018
Khấu hao trong năm	193.741.153	5.625.996	69.963.996	20.441.873	289.773.018
Giảm trong năm	1.221.322.645	-	-	-	1.221.322.645
Phân loại sang BĐS đầu tư	1.221.322.645	-	-	-	1.221.322.645
Số dư tại 31/12/2010	3.199.203.439	477.484.269	819.714.427	126.263.653	4.622.665.788
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2010	1.453.746.001	6.644.000	147.340.070	55.301.923	1.663.031.994
Tại 31/12/2010	1.809.310.521	1.018.004	77.376.074	48.023.686	1.935.728.285

Đơn vị tính: VND

P. H. AN  
 20/12/2010

**5.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình gồm quyền sử dụng đất tại thành phố Vinh và quyền sử dụng đất tại Cụm Công nghiệp Ninh Hiệp.

Quyền sử dụng đất tại Cụm Công nghiệp Ninh Hiệp là số tiền đã trả 1 lần theo Hợp đồng thuê lại đất số 201/10/HĐ\_CN-01-4 ngày 30/9/2010 và phụ lục Hợp đồng thuê lại đất ngày 15/11/2010. Tài sản vô hình được khấu hao theo thời gian của Hợp đồng thuê đất là 47 năm.

**5.7 Bất động sản đầu tư**

Là giá trị nhà xưởng, nhà kho cho thuê theo các hợp đồng cho thuê Tài sản. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo thời gian hữu dụng của tài sản.

**5.8 Chi phí trả trước dài hạn**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tại ngày 1 tháng 1	413.736.974	35.079.389
Tăng	8.636.121.781	545.190.229
Phân bổ vào chi phí trong năm	306.116.622	166.532.644
Phân loại lại	8.026.382.817	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>717.359.316</b>	<b>413.736.974</b>

**Chi tiết theo khoản mục chi phí**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phí bảo lãnh thực hiện Hợp đồng	93.323.115	118.919.820
Chi phí CCDC thiết bị	284.583.912	144.079.409
Chi phí sửa chữa, cải tạo Công ty	339.452.289	150.737.745
Tiền thuê đất Thành phố Vinh	-	-
<b>Tổng</b>	<b>717.359.316</b>	<b>413.736.974</b>

**5.9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	216.128.951	312.316.940
Thuế thu nhập doanh nghiệp	303.036.835	249.987.510
Thuế thu nhập cá nhân	11.056.617	-
<b>Tổng</b>	<b>530.222.403</b>	<b>562.304.450</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.10 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí kiểm toán	55.000.000	45.000.000
Chi phí công trình	6.814.513.038	6.986.189.000
	-	-
<b>Tổng</b>	<b>6.869.513.038</b>	<b>7.031.189.000</b>

**5.11 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	11.845.019	11.739.269
Bảo hiểm xã hội	-	2.705.840
Doanh thu chưa thực hiện	-	200.805.260
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.705.400.361	1.585.399.605
<i>Phải trả tiền góp vốn xây dựng Công ty</i>		
<i>Đầu tư Tài chính Tái bảo hiểm</i>	7.743.450.000	-
<i>Tổng công ty Đường sắt Việt Nam</i>	535.507.801	
<i>Phải trả cổ tức</i>	18.099.600	1.210.022.252
<i>Quỹ hỗ trợ 1%</i>	92.840.970	147.300.970
<i>Thù lao HĐQT+ Ban kiểm soát</i>	48.723.000	39.254.600
<i>Phải trả khác</i>	266.778.990	188.821.783
<b>Tổng</b>	<b>8.717.245.380</b>	<b>1.800.649.974</b>

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN

2. Vốn chủ sở hữu

Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư tại 01/01/2009</b>	11.985.000.000	(7.000.000)	97.911.645	1.181.998.849	146.375.900	16.900.590	
Tăng trong năm	-	-	87.582.688	250.236.250	87.582.688	1.751.653.750	
Tăng từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế	-	-	87.582.688	250.236.250	87.582.688	1.751.653.750	
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-	-	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	1.688.436.238	
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	477.951.238	
<b>Số dư tại 31/12/2009</b>	11.985.000.000	(7.000.000)	185.494.333	1.432.235.099	233.958.588	1.210.485.000	80.118.102
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	11.985.000.000	(7.000.000)	185.494.333	1.432.235.099	233.958.588	80.118.102	
Tăng trong năm	-	7.000.000	-	8.208.102	-	1.992.248.178	
Tăng vốn	-	7.000.000	-	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	1.992.248.178	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	8.208.102	-	-	
Thu lợi nhuận từ các đơn vị	-	-	-	-	-	-	
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-	-	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	8.208.102	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	71.910.000	
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	11.985.000.000	-	185.494.333	1.440.443.201	233.958.588	1.992.248.178	

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN THÔNG TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.12 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	4.570.000.000	4.570.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	7.415.000.000	7.415.000.000
<b>Tổng</b>	<b>11.985.000.000</b>	<b>11.985.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	11.985.000.000	11.985.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	11.985.000.000	11.985.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>71.910.000</b>	<b>1.210.485.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	Năm 2010 Cổ phiếu	Năm 2009 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.198.500</b>	<b>1.197.800</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán</b>	<b>1.198.500</b>	<b>1.198.500</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.198.500	1.198.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>		
Cổ phiếu phổ thông		700
Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.198.500</b>	<b>1.197.800</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.198.500	1.197.800
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.13 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu xây lắp	13.985.105.635	13.056.354.425
Doanh thu bán hàng	3.545.559.408	3.711.504.839
Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng	2.734.450.439	2.512.358.191
Doanh thu bán hàng nội bộ	-	1.242.411.363
Doanh thu nhà hàng	1.403.197.784	-
<b>Tổng</b>	<b>21.668.313.266</b>	<b>20.522.628.818</b>

**5.14 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn xây lắp	11.886.234.117	11.733.406.354
Giá vốn bán hàng	2.662.725.158	3.690.506.534
Giá vốn cho thuê mặt bằng, nhà xưởng	259.851.273	-
Giá vốn bán hàng nội bộ	-	1.242.411.363
Giá vốn kinh doanh nhà hàng	1.339.115.484	-
<b>Tổng</b>	<b>16.147.926.032</b>	<b>16.666.324.251</b>

**5.15 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	349.053.029	191.686.235
<b>Tổng</b>	<b>349.053.029</b>	<b>191.686.235</b>

**5.16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.295.533.753	2.001.890.000
Điều chỉnh tăng	130.750.847	-
Điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>2.426.284.600</b>	<b>2.001.890.000</b>
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Miễn thuế 50%	303.285.575	250.236.250
<b>Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>303.285.575</b>	<b>250.236.250</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.17 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.992.248.178	1.751.653.750
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Điều chỉnh cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Điều chỉnh chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã phân loại vào</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.992.248.178	1.751.653.750
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.197.802	1.197.800
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>1.663</b>	<b>1.462</b>

**5.18 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.890.759.353	5.029.720.764
Chi phí nhân công	6.867.693.985	5.613.500.097
Chi phí khấu hao tài sản cố định	478.153.679	523.635.270
Chi phí khác bằng tiền	4.789.632.243	2.695.993.192
<b>Tổng</b>	<b>22.026.239.260</b>	<b>13.862.849.323</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán. Số dư đầu kỳ của một số khoản mục công nợ đã được Công ty xác định lại theo Biên bản đối chiếu và điều chỉnh trong năm tài chính 2010.

Ký Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Trung

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2011

Giám đốc



Đoàn Văn Lâm



**Số: 370 /2011/CV/CPA VIETNAM**

V/v đính chính thông tin của Báo cáo Kiểm toán

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Viễn thông Tín hiệu Đường sắt**

Trước hết, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Công ty Cổ phần Viễn thông Tín hiệu Đường sắt về việc bổ nhiệm Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam - CPAVIETNAM thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Quý Công ty.

Công ty chúng tôi đã phát hành và gửi tới Quý Công ty 06 bộ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán. Sau khi phát hành, chúng tôi phát hiện có sai sót tại trang 04 trên Báo cáo Kiểm toán, cụ thể sau:

Báo cáo kiểm toán số 133 phát hành ngày 22 tháng 2 năm 2011 đã nêu "*Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Viễn thông Tín hiệu đường sắt (gọi tắt là "Công ty"). Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 21 kèm theo*".

**Chúng tôi xin đính chính lại đoạn trên như sau:**

*"Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Viễn thông Tín hiệu đường sắt (gọi tắt là "Công ty"). Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 21 kèm theo"*.

Vậy, chúng tôi xin gửi Công văn này để Quý Công ty đính kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán nhằm cung cấp đầy đủ thông tin đến người đọc Báo cáo tài chính.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2011

**TM. BAN GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC****Nguyễn Quế Dương**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1382

**Nơi nhận:**

- Như trên (06 bản);
- Lưu VT.